



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

# CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

---

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-43
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-43

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên	
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Ủy viên	
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên	
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/03/2015
Ông Lê Phan Đức	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tuấn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/03/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Anh Chung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Xuân Hòa	Thành viên
Bà Hoàng Thị Mai Phương	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



**Nguyễn Hữu Thể**  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 02 năm 2016



Số: 290/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 20 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0063-2013-002-1

**Trương Thị Hoài Anh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2446-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>578.110.407.606</b>	<b>914.011.754.335</b>
110	<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>25.502.815.111</b>	<b>8.534.710.175</b>
111	1. Tiền		25.502.815.111	8.534.710.175
130	<b>II Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>339.679.997.858</b>	<b>515.800.417.871</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	345.650.623.244	479.788.803.422
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		10.074.423.298	14.469.355.420
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	17.364.083.514	34.990.838.040
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(33.409.132.198)	(13.448.579.011)
140	<b>III Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>200.543.434.511</b>	<b>345.135.826.598</b>
141	1. Hàng tồn kho		200.543.434.511	345.135.826.598
150	<b>IV Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12.384.160.126</b>	<b>44.540.799.691</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	7.670.984.636	12.413.644.360
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.713.175.490	32.099.448.860
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	27.706.471
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>509.175.931.761</b>	<b>511.470.332.984</b>
210	<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>130.000.000.000</b>	<b>160.000.000.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	13	130.000.000.000	160.000.000.000
220	<b>II Tài sản cố định</b>		<b>242.655.370.663</b>	<b>231.281.650.058</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	227.330.415.313	215.608.307.121
222	- Nguyên giá		419.760.486.019	380.972.636.947
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(192.430.070.706)	(165.364.329.826)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	15.324.955.350	15.673.342.937
228	- Nguyên giá		18.322.489.829	18.354.489.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.997.534.479)	(2.681.146.892)
240	<b>III Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>26.815.009.675</b>	<b>27.870.590.007</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	26.815.009.675	27.870.590.007
250	<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>93.228.709.584</b>	<b>82.071.229.120</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		93.228.709.584	82.071.229.120
260	<b>V Tài sản dài hạn khác</b>		<b>16.476.841.839</b>	<b>10.246.863.799</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	16.476.841.839	10.246.863.799
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.087.286.339.367</b>	<b>1.425.482.087.319</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>557.950.615.425</b>	<b>927.285.825.065</b>
310	<b>I Nợ ngắn hạn</b>		<b>520.357.656.875</b>	<b>889.836.645.365</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	129.778.614.325	227.709.540.771
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.721.519.663	1.045.536.295
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.056.218.134	1.327.374.791
314	4. Phải trả người lao động		8.441.972.289	4.818.198.890
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.738.540.710	1.732.368.875
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.153.443.636	320.313.818
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	924.101.047	750.539.882
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	358.565.831.358	647.122.342.312
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.977.415.713	5.010.429.731
330	<b>II Nợ dài hạn</b>		<b>37.592.958.550</b>	<b>37.449.179.700</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	20.213.054.700	20.271.387.700
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	17.379.903.850	17.177.792.000
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>529.335.723.942</b>	<b>498.196.262.254</b>
410	<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	20	<b>529.335.723.942</b>	<b>498.196.262.254</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		67.810.722.053	67.810.722.053
415	3. Cổ phiếu quỹ		(15.990.198.846)	(15.990.198.846)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		23.960.752.124	20.882.164.713
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		372.666.308	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		77.123.310.753	48.844.842.617
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		39.845.962.426	27.470.464.128
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ này		37.277.348.327	21.374.378.489
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		61.371.550	651.631.717
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.087.286.339.367</b>	<b>1.425.482.087.319</b>

Nguyễn Thị Thúy  
Người lập

Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 02 năm 2016



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	3.444.877.662.763	2.723.702.830.059
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	16.387.035.564	7.520.826.244
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.428.490.627.199	2.716.182.003.815
11	4. Giá vốn hàng bán	25	3.274.378.935.139	2.611.643.981.045
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		154.111.692.060	104.538.022.770
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	19.490.052.653	24.943.795.695
22	7. Chi phí tài chính	27	37.372.378.832	41.624.540.320
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		36.921.124.331	41.172.292.611
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		11.157.480.464	3.895.739.118
25	9. Chi phí bán hàng	28	48.538.104.795	38.568.190.452
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	43.702.267.012	28.198.789.897
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		55.146.474.538	24.986.036.914
31	12. Thu nhập khác		416.249.496	763.059.762
32	13. Chi phí khác		881.573.406	530.192.921
40	14. Lợi nhuận khác		(465.323.910)	232.866.841
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		54.681.150.628	25.218.903.755
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	8.772.687.660	3.842.583.656
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		45.908.462.968	21.376.320.099
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		45.904.176.321	21.374.378.489
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		4.286.647	1.941.610
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.131	594

Nguyễn Thị Thúy  
Người lập

Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 02 năm 2016



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		54.681.150.628	25.218.903.755
	5. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		32.413.899.225	26.325.197.543
03	- Các khoản dự phòng		19.960.553.187	7.933.108.365
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(28.535.094.823)	(24.279.490.079)
06	- Chi phí lãi vay		36.921.124.331	41.172.292.611
08	13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		115.441.632.548	76.370.012.195
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		172.606.968.371	(171.478.641.079)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		144.043.223.323	(163.990.907.881)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(87.382.243.488)	157.126.930.934
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.487.318.316)	(10.226.215.934)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(37.022.252.843)	(41.099.035.293)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.909.556.765)	(4.177.136.236)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		30.000.000	1.392.177.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.239.810.000)	(3.289.150.407)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		299.080.642.830	(159.371.966.701)
	<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(44.173.038.786)	(43.150.057.014)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.432.597.996	70.000.000
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.000.000.000	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.723.608.376	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.250.582.574	20.136.336.820
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		15.233.750.160	(22.943.720.194)
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.840.098.515.223	2.532.861.711.723
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.128.452.914.327)	(2.354.425.423.360)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.991.888.950)	(7.193.511.160)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(297.346.288.054)	171.242.777.203
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		16.968.104.936	(11.072.909.692)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		8.534.710.175	19.607.619.867
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>25.502.815.111</u>	<u>8.534.710.175</u>

  
Nguyễn Thị Thúy  
Người lập

  
Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 02 năm 2016



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.997.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bạc, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dụng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

#### **Cấu trúc Tập đoàn**

- Tổng số Công ty con: 02
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,94%	99,94%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức (*)	Tỉnh Vĩnh Phúc	96,08%	96,08%	Sản xuất bu lông, ốc vít xuất khẩu

(\*) Trong năm Công ty thực hiện thanh lý Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức do Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức giải thể theo Nghị quyết số 12/2015-NQ-VGP ngày 30/12/2015 của Hội đồng quản trị. Số liệu được hợp nhất trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty căn cứ theo số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/08/2015 đã được kiểm toán và quyết toán thuế.

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



**2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 37.

**2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con: Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

**2.5 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.



*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.







**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.



**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.19 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

1110  
CÔNG TY  
NHIỆM  
G KIE  
AA  
AN KIE  
12  
13  
14  
15  
16  
17



*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

**2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng (bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán). Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.





**2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

## a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## b) Ưu đãi thuế

Theo Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/05/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE được kế thừa toàn bộ ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 19/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ống thép của Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo đó, Công ty được hưởng các ưu đãi sau:

- Được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu (kể từ năm 2004) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo;
- Được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu.

Cũng theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 168/CT-QĐ ngày 21/05/2003 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty được miễn tiền thuế đất đến 04/12/2020.

**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	500.738.916	660.868.897
Tiền gửi ngân hàng	25.002.076.195	7.873.841.278
	<u><u>25.502.815.111</u></u>	<u><u>8.534.710.175</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2015			01/01/2015				
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ
				VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết				93.228.709.584				82.071.229.120
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức (*)	Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	83.782.608.611	Vĩnh Phúc	39,64%	39,64%	72.387.327.283
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	9.446.100.973	Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	9.683.901.837
				<b>93.228.709.584</b>				<b>82.071.229.120</b>

(\*) Trong năm Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức tăng vốn điều lệ từ 168 tỷ đồng lên 233 tỷ đồng. Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức không góp vốn thêm dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty liên kết giảm từ 39,64% xuống 28,60%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	112.450.781.393	191.521.622.193
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	88.035.311.117	137.489.169.596
- Công ty Cổ Phần Thép Tổng Hợp	34.486.001.583	29.168.310.885
- Các khoản phải thu khách hàng khác	110.678.529.151	121.609.700.748
	<b>345.650.623.244</b>	<b>479.788.803.422</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn	345.650.623.244	479.788.803.422
	<b>345.650.623.244</b>	<b>479.788.803.422</b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</b>	<b>1.350.382.939</b>	<b>1.180.166.008</b>

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.336.482.222	-	2.071.333.333	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	6.357.533	-	31.030.790	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	22.278.525	-	-	-
Tạm ứng	11.919.382.079	-	24.987.536.591	-
Ký cược, ký quỹ	3.881.356.050	-	7.298.389.391	-
Phải thu khác	198.227.105	-	602.547.935	-
	<b>17.364.083.514</b>	<b>-</b>	<b>34.990.838.040</b>	<b>-</b>

**7 . NỢ XẤU**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán	33.409.132.198	-	33.409.132.198	19.960.553.187
- Công ty TNHH Trường Quang	9.926.128.448	-	9.926.128.448	-
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	-	23.483.003.750	19.960.553.187
	<b>33.409.132.198</b>	<b>-</b>	<b>33.409.132.198</b>	<b>19.960.553.187</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	35.944.867.926	-	57.227.993.620	-
Nguyên liệu, vật liệu	67.584.777.661	-	142.130.369.755	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	191.550.152	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.349.981.334	-	9.664.010.083	-
Thành phẩm	82.152.518.474	-	129.981.105.180	-
Hàng hoá	3.511.289.116	-	5.940.797.808	-
	<b>200.543.434.511</b>	<b>-</b>	<b>345.135.826.598</b>	<b>-</b>

**9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	<b>26.815.009.675</b>	<b>27.870.590.007</b>
Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh <sup>(1)</sup>	8.574.545.454	8.574.545.454
Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh <sup>(2)</sup>	18.226.976.663	18.226.976.663
Dự án Dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm (giai đoạn II)	-	1.069.067.890
Chi phí quyền sử dụng đất Miền Nam	13.487.558	-
	<b>26.815.009.675</b>	<b>27.870.590.007</b>

- (1) Chi phí chuyển nhượng hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh. Hiện tại dự án đang trong quá trình chờ các cơ quan chức năng phê duyệt quy hoạch bổ sung.
- (2) Hợp tác đầu tư dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE và quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. Các chi phí đã phát sinh chủ yếu là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng. Dự án đang trong thời gian chờ phê duyệt từ các cơ quan chức năng. Thông tin chi tiết về dự án xem tại thuyết minh số 18.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	127.266.804.117	235.125.772.332	16.894.063.966	1.685.996.532	380.972.636.947
- Mua trong năm	-	8.528.241.556	10.372.456.363	-	18.900.697.919
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.865.744.192	20.462.177.007	-	-	26.327.921.199
- Giảm do thanh lý công ty con	-	(144.264.318)	(236.662.727)	-	(380.927.045)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.711.337.948)	(1.929.478.320)	-	(5.640.816.268)
- Giảm khác	(27.720.000)	(287.144.919)	(16.740.000)	(87.421.814)	(419.026.733)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>133.104.828.309</b>	<b>259.973.443.710</b>	<b>25.083.639.282</b>	<b>1.598.574.718</b>	<b>419.760.486.019</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	35.295.883.381	119.411.043.815	9.699.304.368	958.098.262	165.364.329.826
- Khấu hao trong kỳ	6.210.974.887	23.214.297.012	2.352.402.998	287.836.741	32.065.511.638
- Giảm do thanh lý công ty con	-	(144.264.318)	(236.662.727)	-	(380.927.045)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.406.274.262)	(1.793.542.718)	-	(4.199.816.980)
- Giảm khác do phân loại lại	(27.720.000)	(287.144.919)	(16.740.000)	(87.421.814)	(419.026.733)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>41.479.138.268</b>	<b>139.787.657.328</b>	<b>10.004.761.921</b>	<b>1.158.513.189</b>	<b>192.430.070.706</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	91.970.920.736	115.714.728.517	7.194.759.598	727.898.270	215.608.307.121
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>91.625.690.041</b>	<b>120.185.786.382</b>	<b>15.078.877.361</b>	<b>440.061.529</b>	<b>227.330.415.313</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 63.322.103.117 đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	18.219.064.829	135.425.000	18.354.489.829
- Giảm do thanh lý công ty con	-	(32.000.000)	(32.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.219.064.829</b>	<b>103.425.000</b>	<b>18.322.489.829</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.545.721.892	135.425.000	2.681.146.892
- Khấu hao trong năm	348.387.587	-	348.387.587
- Giảm do thanh lý công ty con	-	(32.000.000)	(32.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.894.109.479</b>	<b>103.425.000</b>	<b>2.997.534.479</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	15.673.342.937	-	15.673.342.937
Tại ngày cuối năm	<b>15.324.955.350</b>	-	<b>15.324.955.350</b>

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	1.440.000.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.810.875.624	6.607.023.067
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.783.543.082	3.042.514.670
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	76.565.930	1.324.106.623
	<b>7.670.984.636</b>	<b>12.413.644.360</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	6.411.546.952	6.588.011.547
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	3.600.000.000	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	5.153.770.814	2.013.710.332
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.267.078.683	314.600.403
Chi phí trả trước dài hạn khác	44.445.390	1.330.541.517
	<b>16.476.841.839</b>	<b>10.246.863.799</b>

**13 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn	130.000.000.000	160.000.000.000
	<b>130.000.000.000</b>	<b>160.000.000.000</b>

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Hợp đồng, các phụ lục hợp đồng, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 10 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>642.722.342.312</b>	<b>642.722.342.312</b>	<b>2.830.996.403.373</b>	<b>3.122.052.914.327</b>	<b>351.665.831.358</b>	<b>351.665.831.358</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên <sup>(1)</sup>	391.918.805.304	391.918.805.304	1.455.403.665.148	1.669.240.000.000	178.082.470.452	178.082.470.452
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên <sup>(2)</sup>	121.563.366.690	121.563.366.690	838.477.455.714	860.337.414.327	99.703.408.077	99.703.408.077
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc <sup>(3)</sup>	38.406.913.525	38.406.913.525	226.182.903.964	218.350.000.000	46.239.817.489	46.239.817.489
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Vĩnh Phúc <sup>(4)</sup>	50.000.000.000	50.000.000.000	224.900.000.000	261.175.500.000	13.724.500.000	13.724.500.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Vĩnh Phúc <sup>(5)</sup>	40.833.256.793	40.833.256.793	86.032.378.547	112.950.000.000	13.915.635.340	13.915.635.340
<b>Vay nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>4.400.000.000</b>	<b>4.400.000.000</b>	<b>6.900.000.000</b>	<b>4.400.000.000</b>	<b>6.900.000.000</b>	<b>6.900.000.000</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	4.400.000.000	4.400.000.000	6.900.000.000	4.400.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000
	<b>647.122.342.312</b>	<b>647.122.342.312</b>	<b>2.837.896.403.373</b>	<b>3.126.452.914.327</b>	<b>358.565.831.358</b>	<b>358.565.831.358</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	21.577.792.000	21.577.792.000	9.102.111.850	6.400.000.000	24.279.903.850	24.279.903.850
	<b>21.577.792.000</b>	<b>21.577.792.000</b>	<b>9.102.111.850</b>	<b>6.400.000.000</b>	<b>24.279.903.850</b>	<b>24.279.903.850</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(4.400.000.000)	(4.400.000.000)	(6.900.000.000)	(4.400.000.000)	(6.900.000.000)	(6.900.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>17.177.792.000</b>	<b>17.177.792.000</b>			<b>17.379.903.850</b>	<b>17.379.903.850</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015	Mục đích vay
<b>1</b>	<b>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên</b>			<b>178.082.470.452</b>	
	Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1509578/HĐTD ngày 18/05/2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2015 là 7,1%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/04/2016, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	88.450.070.525	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
	Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1853346/HĐTD ngày 18/05/2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2015 là 7,1%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/04/2016, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	89.632.399.927	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên</b>			<b>99.703.408.077</b>	
	Hợp đồng tín dụng số 15.51.0168/2015-HĐTDHM/NHCT262-Ông thép Việt Đức ngày 29/07/2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2015 là 6,9%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 31/07/2016, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 04 tháng	37.986.094.424	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
	Hợp đồng tín dụng số 15.51.0038/2015 ngày 10 tháng 12 năm 2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2015 là 6,9%/năm	Thời hạn của hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/11/2016	61.717.313.653	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
<b>3</b>	<b>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vĩnh Phúc</b>			<b>46.239.817.489</b>	
	Hợp đồng tín dụng số 01815005/HĐTD ngày 30/06/2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2015 là 6,7%/năm	Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng	46.239.817.489	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
<b>4</b>	<b>Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Vĩnh Phúc</b>			<b>13.724.500.000</b>	
	Hợp đồng tín dụng số 390.050/2015/HĐTD-LPBVP ngày 18/05/2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2015 là 7,1%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 17/05/2016. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 05 tháng	13.724.500.000	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015	Mục đích vay
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - CN Vĩnh Phúc			13.915.635.340	
	Hợp đồng tín dụng số 17092014/HDTDHM/TVD-VPB ngày 29/09/2014	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2015 là 7,0%/năm	Thời hạn của hợp đồng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn vay tối đa là 5 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng lần giấy nhận nợ	13.915.635.340	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
	<b>Tổng cộng</b>			<b>351.665.831.358</b>	

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên			24.279.903.850	6.900.000.000	
	Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HD ngày 25/11/2013	Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi. Lãi suất tại từng thời điểm được quy định trong giấy nhận nợ. Lãi suất tại thời điểm 31/12/2015 là 9,5%/năm	72 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên trong đó ân hạn 09 tháng	16.077.792.000	3.300.000.000	Tiền vay được sử dụng cho dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng"
	Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1853346/HĐTD ngày 10/02/2015	Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi. Lãi suất tại từng thời điểm được quy định trong giấy nhận nợ. Lãi suất tại thời điểm 31/12/2015 là 10,5%/năm	72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên trong đó ân hạn 09 tháng	8.202.111.850	3.600.000.000	Đầu tư cho dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cán nguội mạ kẽm nhúng nóng (giai đoạn II)"
	<b>Tổng cộng</b>			<b>24.279.903.850</b>	<b>6.900.000.000</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	59.109.193.116	59.109.193.116	66.236.269.292	66.236.269.292
- Công ty TNHH TEWOO(H.K)	19.007.361.582	19.007.361.582	-	-
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	1.065.553.940	1.065.553.940	33.514.401.470	33.514.401.470
- Công ty CP Thương mại và Vận tải Việt Đức	8.833.147.921	8.833.147.921	15.651.124.046	15.651.124.046
- Phải trả các đối tượng khác	41.763.357.766	41.763.357.766	112.307.745.963	112.307.745.963
	<b>129.778.614.325</b>	<b>129.778.614.325</b>	<b>227.709.540.771</b>	<b>227.709.540.771</b>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán</b>				
- Phải trả người bán ngắn hạn	129.778.614.325	129.778.614.325	227.709.540.771	227.709.540.771
	<b>129.778.614.325</b>	<b>129.778.614.325</b>	<b>227.709.540.771</b>	<b>227.709.540.771</b>
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)				
	-	-	67.438.349	67.438.349

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	81.254.977.716	78.421.864.749	-	2.833.112.967
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	913.892.436	913.892.436	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	27.706.471	1.281.206.244	8.800.394.131	5.909.556.765	-	4.144.337.139
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm	-	1.281.206.244	8.772.687.660	5.909.556.765	-	4.144.337.139
- Ảnh hưởng do thanh lý công ty con	27.706.471	-	27.706.471	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	46.168.547	762.903.964	730.304.483	-	78.768.028
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	259.916.790	259.916.790	-	-
Các loại thuế khác	-	-	645.420.000	645.420.000	-	-
	<b>27.706.471</b>	<b>1.327.374.791</b>	<b>92.637.505.037</b>	<b>86.880.955.223</b>	<b>-</b>	<b>7.056.218.134</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	48.625.069	149.753.581
- Chi phí phải trả khác	2.689.915.641	1.582.615.294
	<b>2.738.540.710</b>	<b>1.732.368.875</b>

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	743.689.764	549.944.334
- Bảo hiểm xã hội	-	5.000.000
- Bảo hiểm y tế	-	869.175
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.303.660	1.203.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	179.107.623	170.169.073
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	23.353.700
	<b>924.101.047</b>	<b>750.539.882</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.745.054.700	1.803.387.700
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	18.468.000.000	18.468.000.000
	<b>20.213.054.700</b>	<b>20.271.387.700</b>

(\*) Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh là khoản tiền đã nhận của đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/04/2011 về việc đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND CITY tại nút giao thông đường trục chính khu đô thị mới Mê Linh với quốc lộ 2A tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc giữa Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức (Bên B), theo đó: các bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý, hóa đơn, mã số thuế, tài khoản của Bên A trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, thành lập Ban điều hành Dự án để thay mặt các bên triển khai các thủ tục pháp lý, tổ chức quản lý kinh doanh và giám sát việc thực hiện hợp đồng; lợi nhuận sau thuế của Dự án được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn đã góp, trong trường hợp cần thiết các bên sẽ phân chia sản phẩm của Dự án cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn đã góp. Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 200 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE góp 26% tương đương 52 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức góp 74% tương đương 148 tỷ đồng), vốn vay và huy động của các tổ chức cá nhân khác là 800 tỷ đồng.

**19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê Văn phòng	1.153.443.636	320.313.818
	<b>1.153.443.636</b>	<b>320.313.818</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	19.455.416.378	-	39.323.933.382	650.106.269	487.247.079.236
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	21.374.378.489	1.941.610	21.376.320.099
Phân phối lợi nhuận năm 2013 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2014	-	-	-	1.426.748.335	-	(11.853.469.254)	(416.162)	(10.427.137.081)
Số dư cuối năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	20.882.164.713	-	48.844.842.617	651.631.717	498.196.262.254
Số dư đầu năm nay	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	20.882.164.713	-	48.844.842.617	651.631.717	498.196.262.254
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	45.904.176.321	4.286.647	45.908.462.968
Phân phối lợi nhuận Công ty mẹ	-	-	-	2.705.398.581	-	(6.763.496.454)	-	(4.058.097.873)
Phân phối lợi nhuận Công ty con	-	-	-	372.666.308	372.666.308	(1.863.331.540)	(699.186)	(1.118.698.110)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	(9.000.827.500)	-	(9.000.827.500)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ biểu quyết tại Công ty con trong năm	-	-	-	522.522	-	1.947.309	(2.469.831)	-
Ảnh hưởng do thanh lý Công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	(591.377.797)	(591.377.797)
Số dư cuối năm nay	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	23.960.752.124	372.666.308	77.123.310.753	61.371.550	529.335.723.942

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của các cổ đông	360.033.100.000	95,75%	360.033.100.000	95,75%
- Ông Lê Minh Hải	22.660.000.000	6,03%	22.660.000.000	6,03%
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000	6,28%
- Các cổ đông khác	313.748.110.000	83,44%	313.748.110.000	83,44%
Cổ phiếu quỹ	15.964.000.000	4,25%	15.964.000.000	4,25%
	<b>375.997.100.000</b>	<b>100%</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>100%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp đầu năm	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp cuối năm	375.997.100.000	375.997.100.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.596.400	1.596.400
- Cổ phiếu phổ thông	1.596.400	1.596.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.003.310	36.003.310
- Cổ phiếu phổ thông	36.003.310	36.003.310
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.960.752.124	20.882.164.713
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	372.666.308	
	<b>24.333.418.432</b>	<b>20.882.164.713</b>

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Đồng đô la Mỹ (USD)	7.009,68	221.540,13
	<b>7.009,68</b>	<b>221.540,13</b>

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.461.529.696.317	1.233.217.560.800
Doanh thu bán thành phẩm	1.977.660.467.936	1.484.543.638.329
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.687.498.510	5.941.630.930
	<b>3.444.877.662.763</b>	<b>2.723.702.830.059</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	<b>29.205.881.449</b>	<b>15.461.694.075</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	15.101.909.864	7.285.874.851
Hàng bán bị trả lại	899.634.807	108.833.983
Giảm giá hàng bán	385.490.893	126.117.410
	<b>16.387.035.564</b>	<b>7.520.826.244</b>

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.438.605.450.693	1.222.316.037.649
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.830.224.021.013	1.385.054.269.162
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.549.463.433	4.273.674.234
	<b>3.274.378.935.139</b>	<b>2.611.643.981.045</b>

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	17.515.731.463	20.320.114.597
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	78.773.282	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.895.547.908	4.597.331.098
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	26.350.000
	<b>19.490.052.653</b>	<b>24.943.795.695</b>

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	36.921.124.331	41.172.292.611
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	129.715.812	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	321.538.689	452.247.709
	<b>37.372.378.832</b>	<b>41.624.540.320</b>

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	669.212.696	612.734.319
Chi phí nhân công	10.888.183.678	6.197.213.902
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.038.253.014	1.004.693.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.472.516.610	28.594.265.700
Chi phí khác bằng tiền	1.469.938.797	2.159.282.701
	<b>48.538.104.795</b>	<b>38.568.190.452</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.360.444.828	2.171.829.137
Chi phí nhân công	13.843.939.334	9.685.421.127
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.935.583.909	2.606.950.047
Thuế, phí, lệ phí	1.357.546.849	1.151.234.473
Chi phí dự phòng	19.960.553.187	7.989.208.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.191.713.997	1.973.651.015
Chi phí khác bằng tiền	2.052.484.908	2.620.495.733
	<b>43.702.267.012</b>	<b>28.198.789.897</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	8.899.417.467	4.193.570.186
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(126.729.807)	(350.986.530)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.772.687.660</b>	<b>3.842.583.656</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	-	110.589.229
Ảnh hưởng khi thanh lý công ty con	27.706.471	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.253.499.773	1.477.463.124
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.909.556.765)	(4.177.136.236)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>4.144.337.139</b>	<b>1.253.499.773</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	45.908.462.968	21.376.320.099
Các khoản điều chỉnh	(5.176.096.796)	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(5.176.096.796)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	40.732.366.172	21.376.320.099
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	36.003.310	36.003.310
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.131</b>	<b>594</b>

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.703.797.241.034	1.396.292.741.495
Chi phí nhân công	43.874.326.646	26.769.429.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.413.899.225	26.325.197.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.674.896.599	35.349.871.775
Chi phí khác bằng tiền	12.150.324.107	11.476.030.696
Chi phí dự phòng	19.960.553.187	7.989.208.365
	<b><u>1.881.871.240.798</u></b>	<b><u>1.504.202.479.813</u></b>

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.502.815.111	-	8.534.710.175	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	363.014.706.758	(33.409.132.198)	514.779.641.462	(13.448.579.011)
Các khoản cho vay	130.000.000.000	-	160.000.000.000	-
	<b><u>518.517.521.869</u></b>	<b><u>(33.409.132.198)</u></b>	<b><u>683.314.351.637</u></b>	<b><u>(13.448.579.011)</u></b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	375.945.735.208	664.300.134.312
Phải trả người bán, phải trả khác	150.915.770.072	248.731.468.353
Chi phí phải trả	2.738.540.710	1.732.368.875
	<b><u>529.600.045.990</u></b>	<b><u>914.763.971.540</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.502.815.111	-	-	25.502.815.111
Phải thu khách hàng, phải thu khác	329.605.574.560	-	-	329.605.574.560
Các khoản cho vay	-	130.000.000.000	-	130.000.000.000
	<b>355.108.389.671</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>485.108.389.671</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.534.710.175	-	-	8.534.710.175
Phải thu khách hàng, phải thu khác	501.331.062.451	-	-	501.331.062.451
Các khoản cho vay	-	160.000.000.000	-	160.000.000.000
	<b>509.865.772.626</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>669.865.772.626</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Vay và nợ	358.565.831.358	17.379.903.850	-	375.945.735.208
Phải trả người bán, phải trả khác	130.702.715.372	20.213.054.700	-	150.915.770.072
Chi phí phải trả	2.738.540.710	-	-	2.738.540.710
	<u>492.007.087.440</u>	<u>37.592.958.550</u>	<u>-</u>	<u>529.600.045.990</u>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	647.122.342.312	17.177.792.000	-	664.300.134.312
Phải trả người bán, phải trả khác	228.460.080.653	20.271.387.700	-	248.731.468.353
Chi phí phải trả	1.732.368.875	-	-	1.732.368.875
	<u>877.314.791.840</u>	<u>37.449.179.700</u>	<u>-</u>	<u>914.763.971.540</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.961.328.818.290	1.461.474.310.399	5.687.498.510	3.428.490.627.199	-	3.428.490.627.199
Chi phí bộ phận trực tiếp	1.830.224.021.013	1.438.605.450.693	5.549.463.433	3.274.378.935.139	-	3.274.378.935.139
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>131.104.797.277</b>	<b>22.868.859.706</b>	<b>138.035.077</b>	<b>154.111.692.060</b>	<b>-</b>	<b>154.111.692.060</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	44.173.038.786	-	-	44.173.038.786	-	44.173.038.786
Tài sản bộ phận	538.551.554.628	142.378.953.169	49.350.059.257	730.280.567.054	-	730.280.567.054
Tài sản không phân bổ	-	-	-	312.832.733.527	-	312.832.733.527
<b>Tổng tài sản</b>	<b>582.724.593.414</b>	<b>142.378.953.169</b>	<b>49.350.059.257</b>	<b>1.087.286.339.367</b>	<b>-</b>	<b>1.087.286.339.367</b>
Nợ phải trả bộ phận	346.272.636.946	181.334.064.431	2.898.498.336	530.505.199.713	-	530.505.199.713
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	27.445.415.712	-	27.445.415.712
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>346.272.636.946</b>	<b>181.334.064.431</b>	<b>2.898.498.336</b>	<b>557.950.615.425</b>	<b>-</b>	<b>557.950.615.425</b>

**Theo khu vực địa lý**

Hơn 90% hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>		<b>29.205.881.449</b>	<b>15.461.694.075</b>
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	27.620.752.530	14.272.803.388
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.585.128.919	1.188.890.687
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>5.283.509.077</b>	<b>2.471.515.200</b>
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	297.779.802	403.020.415
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	4.985.729.275	2.068.494.785
<b>Lãi cho vay vốn</b>		<b>17.457.593.332</b>	<b>20.256.888.890</b>
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	17.457.593.332	20.256.888.890

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>		<b>1.350.382.939</b>	<b>1.180.166.008</b>
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	1.231.251.360	279.684.616
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	119.131.579	900.481.392
<b>Cho vay dài hạn</b>		<b>130.000.000.000</b>	<b>160.000.000.000</b>
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	130.000.000.000	160.000.000.000
<b>Phải thu lãi cho vay</b>		<b>1.336.482.222</b>	<b>2.071.333.333</b>
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.336.482.222	2.071.333.333
<b>Phải trả tiền hàng</b>		-	<b>67.438.349</b>
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	-	67.438.349
<b>Phải trả khác</b>		<b>18.468.000.000</b>	<b>18.468.000.000</b>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	18.468.000.000	18.468.000.000

(\*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.153.500.000	1.242.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

**Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014****Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC**

<u>Mã số</u>	<u>Tên khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Mã số</u>	<u>Tên khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Thay đổi</u>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>914.011.754.335</b>	100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>914.011.754.335</b>	-
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>8.534.710.175</b>	110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>8.534.710.175</b>	-
111	1. Tiền	8.534.710.175	111	1. Tiền	8.534.710.175	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>483.514.491.889</b>	130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>515.800.417.871</b>	<b>32.285.925.982</b>
131	1. Phải thu khách hàng	479.788.803.422	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	479.788.803.422	-
132	2. Trả trước cho người bán	14.469.355.420	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.469.355.420	-
135	5. Các khoản phải thu khác	2.704.912.058	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	34.990.838.040	32.285.925.982
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.448.579.011)	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.448.579.011)	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>345.135.826.598</b>	140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>345.135.826.598</b>	-
141	1. Hàng tồn kho	345.135.826.598	141	1. Hàng tồn kho	345.135.826.598	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>76.826.725.673</b>	150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>44.540.799.691</b>	<b>(32.285.925.982)</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12.413.644.360	151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12.413.644.360	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	32.099.448.860	152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	32.099.448.860	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	27.706.471	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	27.706.471	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	32.285.925.982	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(32.285.925.982)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>511.470.332.984</b>	200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>511.470.332.984</b>	-
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>160.000.000.000</b>
			215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	160.000.000.000	160.000.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>259.152.240.065</b>	220	<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>231.281.650.058</b>	<b>(27.870.590.007)</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	215.608.307.121	221	1. Tài sản cố định hữu hình	215.608.307.121	-
222	- Nguyên giá	380.972.636.947	222	- Nguyên giá	380.972.636.947	-
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(165.364.329.826)	223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(165.364.329.826)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	15.673.342.937	227	3. Tài sản cố định vô hình	15.673.342.937	-
228	- Nguyên giá	18.354.489.829	228	- Nguyên giá	18.354.489.829	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.681.146.892)	229	- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.681.146.892)	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	27.870.590.007				(27.870.590.007)
			240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>27.870.590.007</b>	<b>27.870.590.007</b>
			242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	27.870.590.007	27.870.590.007
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>242.071.229.120</b>	250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>82.071.229.120</b>	<b>(160.000.000.000)</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	82.071.229.120	252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	82.071.229.120	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	160.000.000.000	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(160.000.000.000)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>10.246.863.799</b>	260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>10.246.863.799</b>	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10.246.863.799	261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10.246.863.799	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.425.482.087.319</b>	270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.425.482.087.319</b>	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
<b>300</b>	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>927.285.825.065</b>	<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>927.285.825.065</b>	-
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>889.516.331.547</b>	<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>889.836.645.365</b>	<b>320.313.818</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	647.122.342.312	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	647.122.342.312	-
312	2. Phải trả người bán	227.709.540.771	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	227.709.540.771	-
313	3. Người mua trả tiền trước	1.045.536.295	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.045.536.295	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.327.374.791	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.327.374.791	-
315	5. Phải trả người lao động	4.818.198.890	314	5. Phải trả người lao động	4.818.198.890	-
316	6. Chi phí phải trả	1.732.368.875	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.732.368.875	-
			318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	320.313.818	320.313.818
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	750.539.882	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	750.539.882	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.010.429.731	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.010.429.731	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>37.769.493.518</b>	<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>37.449.179.700</b>	<b>(320.313.818)</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	20.271.387.700	337	6. Phải trả dài hạn khác	20.271.387.700	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	17.177.792.000	338	7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17.177.792.000	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	320.313.818	336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	(320.313.818)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc


**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

**Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC**

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>497.544.630.537</b>	400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>498.196.262.254</b>	<b>651.631.717</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>497.544.630.537</b>	410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>498.196.262.254</b>	<b>651.631.717</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	375.997.100.000	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	67.810.722.053	411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	375.997.100.000	-
414	4. Cổ phiếu quỹ	(15.990.198.846)	412	2. Thặng dư vốn cổ phần	67.810.722.053	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	13.549.797.803	415	5. Cổ phiếu quỹ	(15.990.198.846)	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	7.332.366.910	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	20.882.164.713	7.332.366.910
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	48.844.842.617	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	48.844.842.617	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	27.470.464.128	-
			421b	- LNST chưa phân phối năm nay	21.374.378.489	-
439	<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>651.631.717</b>	429	12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	651.631.717	651.631.717
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.425.482.087.319</b>	440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.425.482.087.319</b>	<b>(651.631.717)</b>

  
Nguyễn Thị Thúy  
Người lập

  
Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 02 năm 2016

